

PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁNG VIÊN BỘ MÔN PHƯƠNG PHÁP GIÁNG DẠY MỘT YÊU CẦU CẤP THIẾT ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG, KHOA ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

○ THS. THÁI HUY BẢO*

Trong các trường/khoa đại học sư phạm (ĐHSP), giảng viên (GV) bộ môn phương pháp giảng dạy (PPGD) đóng một vai trò quan trọng: trực tiếp đào tạo (ĐT) nghiệp vụ sư phạm (SP) cho sinh viên (SV); hình mẫu về phương pháp và kỹ thuật giảng dạy; tư vấn chuyển giao công nghệ dạy học; tiên phong trong đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) và phổ biến rộng rãi cho các GV khác; phát triển chương trình đào tạo, bồi dưỡng (ĐT, BD) giáo viên và chương trình giáo dục phổ thông (GDPT); đảm nhận đồng thời hai vai trò: GV ở trường/khoa ĐHSP, giáo viên ở trường PT.

Vì thế, phát triển đội ngũ GV bộ môn PPGD ở các trường/khoa ĐHSP hiện đang là một đòi hỏi cấp thiết, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện GD đại học (GDĐH) Việt Nam; yêu cầu phát triển ngành sư phạm (SP) và các trường SP; yêu cầu thay đổi vai trò của giáo viên PT trong xã hội hiện đại...

1. Đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện GDĐH Việt Nam

Nghị quyết 14/2005/NQ-CP của Chính phủ đã chỉ rõ: «Đổi mới cơ bản và toàn diện GDĐH, tạo được chuyển biến cơ bản về chất lượng, hiệu quả và quy mô, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế và nhu cầu học tập của nhân dân. Đến năm 2020, GDĐH Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và tiếp cận trình độ tiên tiến trên thế giới; có năng lực cạnh tranh cao, thích ứng với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa» (1).

Để thực hiện được mục tiêu trên, GDĐH Việt Nam phải đổi mới một cách mạnh mẽ, căn bản và toàn diện. Riêng về ĐT, bồi dưỡng (BD), sử dụng GV cần tập trung vào các giải pháp sau đây: - Đổi mới mạnh mẽ nội dung, chương trình và phương pháp ĐT, BDGV; Chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ SP của GV; - Đổi mới phương thức tuyển dụng GV theo hướng

khách quan, công bằng và có yếu tố cạnh tranh; - Xây dựng và ban hành chính sách mới đối với GV, bao gồm tiêu chuẩn GV, định mức lao động, điều kiện làm việc, nhiệm vụ khoa học và công nghệ, chế độ nghỉ dạy dài hạn để trao đổi học thuật và cơ chế đánh giá khách quan kết quả công việc của GV...

Bản thân các trường SP cũng cần phải đổi mới toàn diện, từ mục tiêu, mô hình ĐT đến nội dung và phương pháp ĐT, hiện đại hoá cơ sở vật chất; phát triển đội ngũ GV, trong đó cần quan tâm đúng mức đến phát triển đội ngũ GV bộ môn PPGD, xem đây là *khâu then chốt*.

2. Đáp ứng yêu cầu phát triển ngành SP và các trường SP giai đoạn 2011-2020

Cả nước ta hiện nay có 133 cơ sở ĐT, BD nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục (CBQLGD) với 14 trường ĐHSP và 39 trường CĐSP. Ở các trường ĐHSP hiện có 4.490 GV; trong đó: 5,2% có chức danh giáo sư, phó giáo sư; 13,7% có trình độ tiến sĩ, tiến sĩ khoa học và 48,7% có trình độ thạc sĩ. Ở các trường CĐSP hiện có 3.543 GV; trong đó: 0,07% có chức danh giáo sư, phó giáo sư; 0,93% có trình độ tiến sĩ và 36,89% có trình độ thạc sĩ.

Trải qua 65 năm xây dựng và phát triển, ngành SP và hệ thống các trường SP đã ĐT cho đất nước một đội ngũ nhà giáo và CBQLGD đông đảo gồm hơn hai triệu người, trong đó có hơn một triệu người đang làm việc. Đội ngũ này cơ bản đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, ĐT nhân lực, BD nhân tài, góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Bên cạnh những thành tựu cơ bản, các trường SP vẫn còn một số yếu kém, bất cập trong đó có yếu kém, bất cập về xây dựng và phát triển đội ngũ GV nói chung, đội ngũ GV bộ môn PPGD nói riêng.

Vì thế, một trong 7 đề án của Chương trình phát triển ngành SP và các trường SP giai đoạn

* Trường Đại học Sài Gòn

2011-2020 đã chú trọng vấn đề *Phát triển đội ngũ GV các trường, khoa SP*, với mục tiêu: «Đến năm 2015, 100% GV ĐHSP đạt trình độ thạc sĩ trở lên, trong đó ít nhất 20% đạt trình độ tiến sĩ; năm 2020, ít nhất có 45% GV ĐHSP đạt trình độ tiến sĩ. Đến năm 2015, 50% GV CĐSP đạt trình độ thạc sĩ trở lên, trong đó ít nhất 5% đạt trình độ tiến sĩ; đến năm 2020, ít nhất 80% đạt trình độ thạc sĩ trở lên, trong đó ít nhất 25% trình độ tiến sĩ. Đủ số lượng, cơ cấu GV tại các trường, khoa SP đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tỷ lệ SV/GV các trường ĐH, CĐSP không quá 20/1 vào năm 2020” (2).

Trên cơ sở đó, đề án cũng xác định nội dung và giải pháp thực hiện, đó là: a) Đẩy mạnh thực hiện Đề án ĐT tiến sĩ cho GV các trường, khoa SP theo chương trình ĐT 20.000 tiến sĩ; b) Chú trọng việc ĐT giáo viên dạy tích hợp, dạy môn ghép, giáo viên dạy ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, để có thể giảng dạy chương trình, sách giáo khoa sau năm 2015 và thực hiện Đề án «Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống GD quốc dân giai đoạn 2008-2020»; c) Ứng dụng công nghệ thông tin và đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá trong ĐT giáo viên. Các trường SP đều đánh giá hoạt động giảng dạy của GV với sự tham gia của SV; d) Xây dựng đội ngũ GV dạy tiếng dân tộc thiểu số trong một số trường SP để ĐT, BD giáo viên dạy tiếng dân tộc trong các cơ sở GD ở địa phương và dạy tiếng dân tộc cho các giáo viên khác ở vùng dân tộc thiểu số; trước mắt, ĐT GV dạy tiếng dân tộc các thứ tiếng: Chăm, Khmer, Jrai, Mnông, Mông, Thái, Êđê, Bahna, Xê Đăng; đ) rà soát để bổ sung, sửa đổi và xây dựng mới các chính sách nhằm tạo động lực (đặc biệt là động lực tài chính) cho các trường/khoa SP, đặc biệt với các trường ĐHSP được giao nhiệm vụ ĐT giáo viên trình độ cao và bồi dưỡng GV các cơ sở GDDH; thu hút GV giỏi công tác ở các trường SP và thu hút học sinh giỏi vào học các trường SP; nâng cao phẩm chất, đạo đức, lòng yêu nghề của GV SP; e) Hình thành đội ngũ chuyên gia về xây dựng và phát triển chương trình, SGK, GDPT; g) Tăng cường khả năng đáp ứng của GV SP đối với sự đổi mới của GD mầm non, GDPT, GD thường xuyên và GD chuyên nghiệp, đặc biệt là về nội dung, PPDH, đánh giá và đo lường trong GD (3).

3. Đáp ứng sự thay đổi vai trò của giáo viên PT trong xã hội hiện đại

Trong bối cảnh của xã hội hiện đại, vai trò của giáo viên PT sẽ có những thay đổi quan trọng:

- *Giáo viên là người huấn luyện viên.* Trong nhà trường truyền thống, giáo viên là người cung cấp thông tin có sẵn, theo cách rót tri thức vào đầu HS. Còn trong nhà trường mới, giáo viên là người giúp đỡ huấn luyện HS, cùng các em tìm ra con đường riêng của mình để đi đến học vấn và sự hiểu biết;
- *Giáo viên là người cố vấn.* Với vai trò của người cố vấn, giáo viên phải luôn theo sát hoạt động nhận thức của HS để khi các em gặp khó khăn thì kịp thời hỗ trợ, giúp đỡ bằng những định hướng, gợi ý cụ thể;
- *Giáo viên là người quản lí quá trình học tập.* Trong nhà trường hiện đại, cùng một lúc, HS có thể tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau. Vì thế, giáo viên phải điều phối công việc, kết nối con người, đồ dùng học tập và HS vào một sự kết hợp có hiệu quả.

Sự thay đổi vai trò của giáo viên PT trong xã hội hiện đại kéo theo sự thay đổi mục tiêu, nội dung và phương pháp ĐT của các trường/khoa SP. Nếu trước đây, các trường/khoa SP hướng nhiều hơn vào ĐT những chuyên gia truyền thụ kiến thức thì ngày nay, mục tiêu hàng đầu của các trường/khoa SP là ĐT những nhà GD, với nhiều năng lực đặc trưng.

Theo Hiệp hội giáo viên Hoa Kỳ (INTASC), giáo viên PT phải có các năng lực sau đây:

- Hiểu các khái niệm trọng tâm, các công cụ tìm kiếm, các cấu trúc môn học mình dạy và có khả năng làm cho những yếu tố này có ý nghĩa đối với HS;
- Hiểu HS học tập, phát triển như thế nào và có khả năng tạo ra các cơ hội để hỗ trợ cho sự phát triển trí tuệ, xã hội, nhân cách của các em;
- Hiểu HS khác biệt như thế nào về cách học và tạo ra các cơ hội dạy học thích ứng với các đối tượng khác nhau; Hiểu và sử dụng các PPDH đa dạng để khuyến khích sự phát triển tư duy phê phán, khả năng giải quyết vấn đề và các kĩ năng hoạt động của HS;
- Vận dụng sự hiểu biết về hành vi, động cơ của cá nhân và nhóm để tạo ra môi trường học tập có lợi cho sự tương tác xã hội, tham gia tích cực trong quá trình học tập và tự lực cánh sinh;
- Vận dụng tri thức về các kĩ thuật giao tiếp bằng lời, không lời và các phương tiện thông tin có hiệu quả khác để tạo ra sự tìm tòi tích cực, sự tương trợ và hợp tác trong lớp học;
- Lập kế hoạch dạy học trên cơ sở hiểu biết

về môn học, HS, cộng đồng và mục tiêu của chương trình; - hiểu biết và sử dụng các phương pháp đánh giá chính thức và phi chính thức nhằm xác định và bảo đảm sự phát triển liên tục về trí tuệ, xã hội và thể lực của HS; - Biết đánh giá hiệu quả của các hành động và các lựa chọn của mình đối với HS, phụ huynh và các nhà chuyên nghiệp khác trong cộng đồng GD; tích cực tìm kiếm các cơ hội phát triển nghề nghiệp; - Biết phát triển các quan hệ với đồng nghiệp trong trường, các phụ huynh và các cơ quan trong cộng đồng rộng lớn nhằm hỗ trợ quá trình học tập và phúc lợi của HS (4).

4. Đáp ứng sự đổi mới chương trình GDPT sau năm 2015

Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI đã nhấn mạnh: «Tích cực chuẩn bị để từ sau năm 2015 thực hiện chương trình GDPT mới» (5). Để đổi mới chương trình GDPT sau năm 2015, các trường/khoa ĐHSP nói chung, đội ngũ GV bộ môn PPGD nói riêng giữ một vai trò đặc biệt quan trọng. Họ không chỉ là nguồn lực chủ yếu trong xây dựng chương trình, SGK mà còn tham gia thẩm định và triển khai các chuyên đề dành cho trường SP, các tài liệu tập huấn giáo viên, cán bộ quản lý về chương trình, SGK; tài liệu hướng dẫn dạy học theo chương trình mới... Vì thế, GV bộ môn PPGD cần phải được ĐT, BD năng lực phát triển chương trình để họ tham gia có hiệu quả vào đổi mới chương trình GDPT sau năm 2015.

5. Đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học GD ngày càng cao

Ở các nước phát triển trên thế giới, nghiên cứu khoa học giáo dục (KHGD) rất được quan tâm. Hầu như mọi quyết sách trong GD đều dựa trên những thành tựu nghiên cứu của KHGD.

Ở nước ta, Luật GD 2005 đã xác định: «Nhà nước có chính sách ưu tiên phát triển nghiên cứu, ứng dụng và phổ biến KHGD. Các chủ trương, chính sách về GD phải được xây dựng trên cơ sở kết quả nghiên cứu khoa học phù hợp với thực tiễn Việt Nam» (6). Tuy nhiên, việc nghiên cứu KHGD chưa thực hiện được vai trò dẫn dắt của mình. Bộ Chính trị (Khóa X) trong Thông báo 242 ngày 15/4/2009 đã nhận định: «Chất lượng nghiên cứu KHGD còn bất cập, chưa đề ra được những giải pháp kịp thời, có hiệu quả để khắc phục hạn chế, yếu kém... Một số chính sách về GD còn chủ quan, duy ý chí, xa thực tế, thiếu sự đồng thuận của xã hội» (7).

Từ thực tế đó, trong thời gian tới, cần phải đẩy mạnh nghiên cứu KHGD, tập trung ưu tiên cho các vấn đề như: - Triết lý GD Việt Nam thời kỳ CNH, HĐH và hội nhập quốc tế; - Cụ thể hóa mô hình nhân cách con người mà nhà trường cần ĐT trong mục tiêu của từng ngành học, bậc học; - Các giải pháp phát huy năng lực nội sinh của Ngành GD-ĐT, đồng thời tăng cường xã hội hóa GD; - Đổi mới quản lý GD trong tiến trình hội nhập quốc tế; - Đa dạng hóa các hình thức GD; - Đổi mới chương trình, SGK GDPT sau năm 2015; - Đổi mới hệ thống ĐT, BD, sử dụng giáo viên; - Cụ thể hóa chính sách đầu tư cho GD và nghiên cứu KHGD...

Cùng với GV các bộ môn Tâm lý - Giáo dục học, GV bộ môn PPGD là lực lượng chủ lực trong nghiên cứu, ứng dụng và phổ biến KHGD. Phát triển đội ngũ GV bộ môn PPGD là một yêu cầu cấp thiết, góp phần xây dựng các trường/khoa ĐHSP trở thành các trung tâm sáng tạo, đổi mới căn bản và toàn diện của ngành SP cả nước. □

(1) Nghị quyết 14/2005/NQ-CP, ngày 02/11/2005. Về đổi mới cơ bản toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006– 2020.

(2), (3) Bộ GD-ĐT. Chương trình Phát triển ngành sư phạm và các trường sư phạm từ năm 2011–2020.

(4) Dự án phát triển giáo viên THPT và THCS. Mô hình đào tạo, chương trình đào tạo, quản lý đào tạo và biên soạn giáo trình trong đào tạo giáo viên, H 2009.

(5) Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. NXB Chính trị quốc gia – Sự thật, H. 2011.

(6) Luật Giáo dục. NXB Giáo dục, H 2005.

(7) Bộ Chính trị (Khóa X). Thông báo Kết luận số 242–TB/TW ngày 15/4/2009 Về tiếp tục quán triệt sâu sắc tư tưởng chỉ đạo của Đảng trong Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII).

SUMMARY

The article refers to a need for developing the teaching staff of methodology in colleges and faculties of education, for the following reasons: To meet the requirement for basic and comprehensive innovation of Vietnam Higher education; requirement for development of pedagogy and pedagogical schools for the period of 2011-2020; changing role of school teachers in the modern society; innovation of school education program after the year of 2015...